

PHỤ LỤC
KẾT QUẢ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (từ 15/12/2025 - 14/6/2026)
(Kèm theo Báo cáo số /BC-VPUB ngày / /2026 của Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh)

TT	Tên đơn vị		Hồ sơ tiếp nhận				Kết quả giải quyết							Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến	Tổng số hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Hồ sơ đã được số hóa
			Tổng số	Trong đó			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết						
				Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trực tuyến	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn				
1	2		3	4	5	9	10	11	12	14	16	17	18	19	20	21	22
I	Tổng cộng		488.175	19.584	344.437	138.739	453.300	399.246	41.635	12.419	34.875	30.712	4.163	172.585	221.022	78,1	435.739
II	Cấp tỉnh		219.173	730	106.212	126.806	205.374	183.521	17.536	4.317	13.799	10.408	3.391	26.067	44.610	58,4	197.327
III	Cấp xã		269.002	18.854	238.225	11933	247926	215725	24099	8102	21076	20304	772	146518	176412	83,1	238.412
1	Sở Nội vụ	Hệ thống các bộ	715	0	693	22	536	536	0	0	179	179	0	111	111	100,0	612
	Sở Nội vụ	Hệ thống tỉnh	710	36	663	11	709	709	0	0	1	1	0	25	25	100,0	706
2	Sở Tư pháp	Hệ thống các bộ	155	15	72	68	130	0	130	0	25	25	0	113	126	89,7	130
	Sở Tư pháp	Hệ thống tỉnh	436	52	51	333	436	436	0	0	0	0	0	356	356	100,0	436
3	Sở Xây dựng	Hệ thống các bộ	4.864	0	4851	13	4496	4152	343	1	368	368	0	563	563	100,0	4561
	Sở Xây dựng	Hệ thống tỉnh	349	201	147	1	349	349	0	0	0	0	0	195	205	95,0	349
4	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hệ thống các bộ	25.305	0	25224	81	25104	25100	0	4	201	198	3	2220	2220	100,0	25.014
	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Hệ thống tỉnh	161.293	0	49724	126144	149137	144925	0	4212	12156	8770	3386	3340	21541	15,5	142.079
5	Sở Giáo dục và Đào tạo	Hệ thống các bộ	1.080	0	1050	30	1073	1054	0	19	7	7	0	0	1	0,0	99,82

TT	Tên đơn vị		Hồ sơ tiếp nhận				Kết quả giải quyết							Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến	Tổng số hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Hồ sơ đã được số hóa
			Tổng số	Trong đó			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết						
				Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trực tuyến	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn				
	Sở Giáo dục và Đào tạo	Hệ thống tỉnh	96	2	94	0	93	92	0	1	3	3	0	0	0	0,0	100
6	Sở Tài chính	Hệ thống các bộ	17.576	0	17.576	0	17.105	0	17.053	52	471	471	0	17.105	17.105	100,0	17.105
	Sở Tài chính	Hệ thống tỉnh	243	39	193	11	206	206	0	0	37	37	0	-	-	0,0	206
7	Sở Y tế	Hệ thống các bộ	1.996	0	1994	2	1783	1776	6	1	213	213	0	1201	1434	99,3	1689
	Sở Y tế	Hệ thống tỉnh	564	262	298	4	564	564	0	0	0	0	0	170	214	88,1	560
8	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Hệ thống các bộ	28	0	28	0	24	21	3	0	4	4	0	0	0	0,0	24
	Sở Dân tộc và Tôn giáo	Hệ thống tỉnh	2	0	2	0	2	2	0	0	0	0	0	0	0	0,0	2
9	Sở Khoa học và Công nghệ	Hệ thống các bộ	437	0	437	0	420	420	0	0	17	17	0	199	202	98,5	420
	Sở Khoa học và Công nghệ	Hệ thống tỉnh	91	52	39	0	42	42	0	0	49	49	0	29	29	100,0	42
10	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Hệ thống các bộ	74	0	74	0	56	56	0	0	18	18	0	23	24	95,8	54

TT	Tên đơn vị		Hồ sơ tiếp nhận				Kết quả giải quyết							Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến	Tổng số hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Hồ sơ đã được số hóa
			Tổng số	Trong đó			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết						
				Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trực tuyến	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn				
	Sở Văn hoá, Thể thao và Du lịch	Hệ thống tỉnh	826	32	793	1	825	824	1	0	1	1	0	263	300	87,7	825
11	Sở Công Thương	Hệ thống các bộ	612	0	544	68	583	577	0	6	29	27	2	140	140	100,0	612
	Sở Công Thương	Hệ thống tỉnh	1.592	30	1552	10	1592	1571	0	21	0	0	0	9	9	100,0	1592
12	Thanh Tra tỉnh	Hệ thống các bộ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0	0
	Thanh Tra tỉnh	Hệ thống tỉnh	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0	0
13	BQL KKT và KCN	Hệ thống các bộ	21	0	21	0	13	13	0	0	8	8	0	3	3	100,0	13
	BQL KKT và KCN	Hệ thống tỉnh	82	4	71	7	73	73	0	0	9	9	0	2	2	100,0	73
14	Văn phòng UBND tỉnh	Hệ thống các bộ	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0,0	0
	Văn phòng UBND tỉnh	Hệ thống tỉnh	26	5	21	0	23	23	0	0	3	3	0	0	0	0,0	23
15	UBND phường Ba Ngòi	Hệ thống các bộ	840	0	839	1	797	0	796	1	43	43	0	31	35	88,5	797

TT	Tên đơn vị		Hồ sơ tiếp nhận				Kết quả giải quyết							Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến	Tổng số hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Hồ sơ đã được số hóa
			Tổng số	Trong đó			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết						
				Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trực tuyến	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn				
	UBND phường Ba Ngòi	Hệ thống tỉnh	2.296	345	1.858	93	1.922	0	1917	5	374	374	0	1.129	1.408	80,2	1.825
16	UBND phường Bảo An	Hệ thống các bộ	3.862	0	3607	255	3798	472	3305	21	64	63	1	3173	3420	92,8	3785
	UBND phường Bảo An	Hệ thống tỉnh	6.746	205	6448	93	6692	6642	0	50	54	54	0	5713	6017	94,9	6667
17	UBND phường Bắc Cam Ranh	Hệ thống các bộ	1.794	0	1793	1	1748	1745	0	3	46	46	0	332	332	100,0	1750
	UBND phường Bắc Cam Ranh	Hệ thống tỉnh	3.935	448	3236	251	3752	3589	0	163	183	183	0	2443	2553	95,7	3746
18	UBND phường Bắc Nha Trang	Hệ thống các bộ	5.829	0	5827	2	5656	5624	0	32	173	173	0	699	999	70,0	844
	UBND phường Bắc Nha Trang	Hệ thống tỉnh	5.051	751	4277	23	4311	4279	0	32	740	740	0	2766	3107	89,0	4299
19	UBND phường Cam Linh	Hệ thống các bộ	1.064	0	1064	0	1037	1035	0	2	27	27	0	542	656	82,6	1037

TT	Tên đơn vị		Hồ sơ tiếp nhận				Kết quả giải quyết							Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến	Tổng số hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Hồ sơ đã được số hóa
			Tổng số	Trong đó			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết						
				Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trực tuyến	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn				
	UBND phường Cam Linh	Hệ thống tỉnh	2.761	170	2581	10	2714	2714	0	0	47	47	0	1526	1710	89,2	2696
20	UBND Phường Cam Ranh	Hệ thống các bộ	971	0	971	0	922	869	53	0	49	49	0	263	264	99,6	945
	UBND Phường Cam Ranh	Hệ thống tỉnh	1.468	182	1269	17	1358	1358	0	0	110	110	0	823	846	97,3	1343
21	UBND phường Đô Vinh	Hệ thống các bộ	1.755	1	1551	203	1728	1532	184	12	27	27	0	1357	1559	87,0	1699
	UBND phường Đô Vinh	Hệ thống tỉnh	3.428	146	3249	33	3267	0	3182	85	161	126	35	2565	2699	95,0	2805
22	UBND phường Đông Hải	Hệ thống các bộ	1.259	0	1231	28	1232	1225	0	7	27	27	0	638	785	81,3	1232
	UBND phường Đông Hải	Hệ thống tỉnh	3.114	157	2791	166	2997	2928	1	68	117	117	0	2414	2674	90,2	2966

TT	Tên đơn vị		Hồ sơ tiếp nhận				Kết quả giải quyết							Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến	Tổng số hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Hồ sơ đã được số hóa
			Tổng số	Trong đó			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết						
				Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trực tuyến	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn				
23	UBND phường Đông Ninh Hòa	Hệ thống các bộ	1.123	0	1122	1	1071	1053	0	18	52	52	0	603	711	84,8	1071
	UBND phường Đông Ninh Hòa	Hệ thống tỉnh	3.174	657	2407	110	2409	2336	0	73	765	764	1	1396	2105	66,3	2405
24	UBND phường Hòa Thắng	Hệ thống các bộ	959	0	933	26	925	669	253	3	34	34	0	359	422	85,1	925
	UBND phường Hòa Thắng	Hệ thống tỉnh	1.898	305	1563	30	1633	1451	0	182	265	264	1	1005	1423	70,6	1630
25	UBND phường Nam Nha Trang	Hệ thống các bộ	5.177	0	5.122	65	4.780	4.701	21	58	397	380	17	457	530	86,2	737
	UBND phường Nam Nha Trang	Hệ thống tỉnh	6.047	746	4.873	428	5.109	4.970	1	138	938	887	51	2.155	3.318	65,0	4.897

TT	Tên đơn vị		Hồ sơ tiếp nhận				Kết quả giải quyết							Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến	Tổng số hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Hồ sơ đã được số hóa
			Tổng số	Trong đó			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết						
				Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trực tuyến	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn				
26	UBND phường Nha Trang	Hệ thống các bộ	7.598	0	7544	54	6826	6813	8	5	772	771	1	891	1038	85,8	6823
	UBND phường Nha Trang	Hệ thống tỉnh	4.075	326	3312	437	3896	3878	0	18	179	179	0	1406	1482	94,9	3835
27	UBND phường Ninh Chữ	Hệ thống các bộ	769	0	769	0	735	0	725	10	34	34	0	663	663	97,3	735
	UBND phường Ninh Chữ	Hệ thống tỉnh	1.775	116	1608	51	1731	0	1567	164	44	38	6	1114	1164	97,3	1592
28	UBND phường Ninh Hòa	Hệ thống các bộ	1.321	0	1319	2	1247	1242	4	1	74	74	0	470	549	85,6	1247
	UBND phường Ninh Hòa	Hệ thống tỉnh	5.003	1096	3840	67	3830	3443	0	387	1173	1173	0	1406	2074	67,8	3821
29	UBND phường Phan Rang	Hệ thống các bộ	2.597	0	1430	1167	2540	2530	8	2	57	57	0	874	874	100,0	2527

TT	Tên đơn vị		Hồ sơ tiếp nhận				Kết quả giải quyết							Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến	Tổng số hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Hồ sơ đã được số hóa
			Tổng số	Trong đó			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết						
				Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trực tuyến	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn				
	UBND phường Phan Rang	Hệ thống tỉnh	3.809	130	3503	176	3752	3713	0	39	57	56	1	3016	3335	90,4	3739
30	UBND phường Tây Nha Trang	Hệ thống các bộ	2.507	0	2474	33	2323	2268	46	9	184	182	2	532	546	97,4	2320
	UBND phường Tây Nha Trang	Hệ thống tỉnh	4.360	889	3218	253	3465	3308	47	110	895	883	12	1062	1122	94,7	3459
31	UBND xã Anh Dũng	Hệ thống các bộ	253	0	252	1	251	247	0	4	2	2	0	228	228	100,0	251
	UBND xã Anh Dũng	Hệ thống tỉnh	1.247	68	1149	30	1202	1142	0	60	45	36	9	1110	1154	96,2	1202
32	UBND xã Bắc Ái	Hệ thống các bộ	714	0	714	0	714	714	0	0	0	0	0	710	710	100,0	714
	UBND xã Bắc Ái	Hệ thống tỉnh	1.605	94	1470	41	1475	1410	0	65	130	130	0	1225	1455	84,2	1475
33	UBND xã Bắc Ái Đông	Hệ thống các bộ	386	0	355	31	378	377	0	1	8	8	0	352	352	100,0	378
	UBND xã Bắc Ái Đông	Hệ thống tỉnh	1.069	134	928	7	1008	865	0	143	61	61	0	683	716	95,4	1006

TT	Tên đơn vị		Hồ sơ tiếp nhận				Kết quả giải quyết										
			Tổng số	Trong đó			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết			Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến	Tổng số hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Hồ sơ đã được số hóa
				Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trực tuyến	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn				
34	UBND xã Bắc Ái Tây	Hệ thống các bộ	377	0	377	0	374	372	0	2	3	3	0	368	368	100,0	374
	UBND xã Bắc Ái Tây	Hệ thống tỉnh	1.086	103	965	18	1026	994	0	32	60	60	0	808	984	82,1	1417
35	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	Hệ thống các bộ	339	0	339	0	321	320	1	0	18	18	0	223	223	100,0	339
	UBND xã Bắc Khánh Vĩnh	Hệ thống tỉnh	1.132	137	984	11	1079	1076	0	3	53	53	0	585	761	76,8	1078
36	UBND xã Bắc Ninh Hòa	Hệ thống các bộ	2.680	0	2679	1	2652	2644	0	8	28	26	2	1899	2101	90,3	2680
	UBND xã Bắc Ninh Hòa	Hệ thống tỉnh	5.577	1580	3979	18	3246	2774	0	472	2331	2305	26	1822	3505	43,4	3175
37	UBND xã Cam An	Hệ thống các bộ	612	0	587	25	594	594	0	0	18	18	0	398	404	98,5	594
	UBND xã Cam An	Hệ thống tỉnh	2.047	343	1403	301	1848	1801	0	47	199	199	0	1282	1669	76,8	1790

TT	Tên đơn vị		Hồ sơ tiếp nhận				Kết quả giải quyết							Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến	Tổng số hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Hồ sơ đã được số hóa
			Tổng số	Trong đó			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết						
				Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trực tuyến	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn				
38	UBND xã Cam Hiệp	Hệ thống các bộ	365	0	365	0	358	325	28	5	7	7	0	206	291	70,8	358
	UBND xã Cam Hiệp	Hệ thống tỉnh	992	123	831	38	832	807	0	25	160	157	3	698	848	82,3	832
39	UBND xã Cam Lâm	Hệ thống các bộ	3.500	0	3.499	1	3.379	3.374	3	2	121	121	0	679	761	0,9	3.379
	UBND xã Cam Lâm	Hệ thống tỉnh	5.729	667	5.056	6	4.997	4.795	0	202	732	719	13	2.394	2.651	0,9	4.229
40	UBND xã Cà Ná	Hệ thống các bộ	888	2	851	35	865	795	66	4	23	16	7	610	772	79,0	865
	UBND xã Cà Ná	Hệ thống tỉnh	2.520	6	2483	31	2504	2464	0	40	16	16	0	2042	2555	79,9	2504
41	UBND xã Công Hải	Hệ thống các bộ	981	0	977	4	969	0	964	5	12	12	0	964	964	100,0	964
	UBND xã Công Hải	Hệ thống tỉnh	1.417	31	1340	46	1380	0	1366	14	37	37	0	1164	1118	96,0	1371
42	UBND xã Diên Điện	Hệ thống các bộ	2.008	0	1938	70	1953	1952	0	1	55	55	0	717	832	86,2	1983
	UBND xã Diên Điện	Hệ thống tỉnh	3.319	322	2788	209	3099	3067	1	31	220	219	1	1971	2300	85,7	3098

TT	Tên đơn vị		Hồ sơ tiếp nhận				Kết quả giải quyết							Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến	Tổng số hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Hồ sơ đã được số hóa
			Tổng số	Trong đó			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết						
				Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trực tuyến	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn				
43	UBND xã Diên Khánh	Hệ thống các bộ	3.159	0	3113	46	3071	3061	0	10	88	88	0	563	705	79,9	3112
	UBND xã Diên Khánh	Hệ thống tỉnh	3.341	166	2686	489	3257	3205	0	52	84	84	0	1777	2148	82,7	3117
44	UBND xã Diên Lạc	Hệ thống các bộ	885	0	874	11	849	839	6	4	36	36	0	391	492	79,5	836
	UBND xã Diên Lạc	Hệ thống tỉnh	1.585	95	1339	151	1523	1504	0	19	62	61	1	852	1159	73,5	1517
45	UBND xã Diên Lâm	Hệ thống các bộ	473	0	398	75	372	372	0	0	101	101	0	356	473	75,3	473
	UBND xã Diên Lâm	Hệ thống tỉnh	1.769	461	1271	37	1572	1487	0	85	197	190	7	611	1196	55,3	1466
46	UBND xã Diên Thọ	Hệ thống các bộ	545	0	537	8	528	525	0	3	17	16	1	452	463	97,6	528
	UBND xã Diên Thọ	Hệ thống tỉnh	1.849	161	1592	96	1743	1733	0	10	106	106	0	1060	1245	85,1	1741
47	UBND xã Đại Lãnh	Hệ thống các bộ	1.028	0	1021	7	1022	1014	0	8	6	4	2	1028	1028	100,0	1028
	UBND xã Đại Lãnh	Hệ thống tỉnh	2.676	330	2243	103	2526	2385	0	141	150	150	0	1995	2185	91,3	2511

TT	Tên đơn vị		Hồ sơ tiếp nhận				Kết quả giải quyết							Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến	Tổng số hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Hồ sơ đã được số hóa
			Tổng số	Trong đó			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết						
				Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trực tuyến	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn				
48	UBND xã Đông Khánh Sơn	Hệ thống các bộ	282	0	282	0	280	280	0	0	2	2	0	224	224	100,0	280
	UBND xã Đông Khánh Sơn	Hệ thống tỉnh	1.030	28	989	13	1014	1013	0	1	16	16	0	833	888	93,8	1014
49	UBND xã Hòa Trí	Hệ thống các bộ	705	0	705	0	669	669	0	0	36	35	1	226	331	68,3	679
	UBND xã Hòa Trí	Hệ thống tỉnh	2.205	743	1297	165	1413	1072	1	340	792	791	1	641	1321	48,5	1408
50	UBND xã Phước Hữu	Hệ thống các bộ	1.771	0	1770	1	1744	1727	0	17	27	27	0	1361	1566	93,7	1744
	UBND xã Phước Hữu	Hệ thống tỉnh	5.359	341	4958	60	5276	4871	0	405	83	62	21	3831	4397	87,1	5271
51	UBND xã Khánh Sơn	Hệ thống các bộ	652	4	640	8	646	646	0	0	6	6	0	575	588	97,8	646
	UBND xã Khánh Sơn	Hệ thống tỉnh	1.533	35	1489	9	1509	1507	0	2	24	24	0	1304	1406	92,7	1509

TT	Tên đơn vị		Hồ sơ tiếp nhận				Kết quả giải quyết							Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến	Tổng số hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Hồ sơ đã được số hóa
			Tổng số	Trong đó			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết						
				Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trực tuyến	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn				
52	UBND xã Khánh Vĩnh	Hệ thống các bộ	595	0	594	1	585	585	0	0	10	10	0	348	3	86,2	585
	UBND xã Khánh Vĩnh	Hệ thống tỉnh	1.087	149	918	20	1024	1023	0	1	63	63	0	559	692	86,6	1022
53	UBND xã Lâm Sơn	Hệ thống các bộ	1.517	0	1517	0	1478	1471	0	7	39	38	1	1363	1464	93,1	1469
	UBND xã Lâm Sơn	Hệ thống tỉnh	2.798	155	2643	0	2717	2664	0	53	81	75	6	2001	2345	85,3	2707
54	UBND xã Mỹ Sơn	Hệ thống các bộ	836	0	836	0	799	27	689	83	37	34	3	733	638	87,7	836
	UBND xã Mỹ Sơn	Hệ thống tỉnh	1.447	0	1447	0	1439	1433	0	6	8	8	0	1447	1396	96,5	1439
55	UBND xã Nam Cam Ranh	Hệ thống các bộ	578	1	573	4	551	551	0	0	27	27	0				551
	UBND xã Nam Cam Ranh	Hệ thống tỉnh	1.575	176	1212	187	1392	1384	0	8	183	183	0	963	1339	71,9	1370

TT	Tên đơn vị		Hồ sơ tiếp nhận				Kết quả giải quyết							Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến	Tổng số hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Hồ sơ đã được số hóa
			Tổng số	Trong đó			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết						
				Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trực tuyến	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn				
56	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	Hệ thống các bộ	315	0	297	18	311	307	0	4	4	4	0	258	259	99,6	311
	UBND xã Nam Khánh Vĩnh	Hệ thống tỉnh	778	64	703	11	741	738	0	3	37	37	0	602	651	92,5	741
57	UBND xã Nam Ninh Hòa	Hệ thống các bộ	647	0	647	0	633	631	2	0	14	14	0	239	307	78,0	633
	UBND xã Nam Ninh Hòa	Hệ thống tỉnh	2.937	694	2045	198	2147	1961	0	186	790	790	0	618	1409	43,9	1447
58	UBND xã Ninh Hải	Hệ thống các bộ	1.101	0	1010	91	1087	1082	0	5	14	14	0	0	0	0,0	1087
	UBND xã Ninh Hải	Hệ thống tỉnh	4.214	239	3971	4	4024	3745	0	279	190	107	83	3027	3241	93,4	4021
59	UBND xã Ninh Phước	Hệ thống các bộ	2.245	0	2225	20	2179	2175	0	4	66	64	2	1357	1592	85,1	2168
	UBND xã Ninh Phước	Hệ thống tỉnh	4.382	324	3547	511	3932	3829	0	103	450	184	266	2938	3755	78,2	3862

TT	Tên đơn vị		Hồ sơ tiếp nhận				Kết quả giải quyết							Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến	Tổng số hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Hồ sơ đã được số hóa
			Tổng số	Trong đó			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết						
				Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trực tuyến	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn				
60	UBND xã Ninh Sơn	Hệ thống các bộ	1.178	0	1162	16	1165	141	1015	9	13	13	0	1020	1034	98,7	1165
	UBND xã Ninh Sơn	Hệ thống tỉnh	3.363	83	3280	0	3236	3183	0	53	127	87	40	2804	2951	95,0	3235
61	UBND xã Phước Dinh	Hệ thống các bộ	1.256	0	1256	0	1225	1152	67	6	31	26	5	524	671	78,1	1026
	UBND xã Phước Dinh	Hệ thống tỉnh	2.813	172	2627	14	2584	2439	0	145	229	209	20	1886	1927	97,9	2572
62	UBND xã Phước Hà	Hệ thống các bộ	473	0	473	0	470	467	0	3	3	1	2	449	449	100,0	470
	UBND xã Phước Hà	Hệ thống tỉnh	1.444	126	1308	10	1324	0	1212	112	120	117	3	681	963	89,4	1046
63	UBND xã Phước Hậu	Hệ thống các bộ	1.468	0	1447	21	1430	1410	10	10	38	38	0	1079	1267	85,2	1430
	UBND xã Phước Hậu	Hệ thống tỉnh	5.235	200	4519	516	4880	4769	0	111	355	266	89	3687	4326	85,2	4864

TT	Tên đơn vị		Hồ sơ tiếp nhận				Kết quả giải quyết										
			Tổng số	Trong đó			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết			Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến	Tổng số hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Hồ sơ đã được số hóa
				Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trực tuyến	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn				
64	UBND xã Suối Dầu	Hệ thống các bộ	668	0	585	83	655	653	0	2	13	13	0	502	601	83,5	502
	UBND xã Suối Dầu	Hệ thống tỉnh	1.933	124	1801	8	1847	1783	0	64	86	83	3	1275	1493	85,4	1837
65	UBND xã Suối Hiệp	Hệ thống các bộ	1.208	0	1158	50	1169	1166	0	3	39	39	0	515	659	78,2	1169
	UBND xã Suối Hiệp	Hệ thống tỉnh	2.622	183	2325	114	2548	2467	0	81	74	73	1	1406	1779	79,0	2454
66	UBND xã Tân Định	Hệ thống các bộ	1.105	0	1105	0	1045	876	156	13	60	60	0				1045
	UBND xã Tân Định	Hệ thống tỉnh	3.173	781	2352	40	2108	1932	1	175	1065	1064	1	634	1956	32,4	2078
67	UBND xã Tây Khánh Sơn	Hệ thống các bộ	356	0	356	0	354	354	0	0	2	2	0	299	308	97,1	354
	UBND xã Tây Khánh Sơn	Hệ thống tỉnh	817	19	798	0	802	802	0	0	15	15	0	606	650	93,2	802
68	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	Hệ thống các bộ	537	0	536	1	529	529	0	0	8	8	0	528	529	99,8	529

TT	Tên đơn vị		Hồ sơ tiếp nhận				Kết quả giải quyết							Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến	Tổng số hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Hồ sơ đã được số hóa
			Tổng số	Trong đó			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết						
				Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trực tuyến	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn				
	UBND xã Tây Khánh Vĩnh	Hệ thống tỉnh	839	88	745	6	712	0	711	1	127	127	0	550	699	78,7	707
69	UBND xã Tây Ninh Hòa	Hệ thống các bộ	355	0	354	1	347	347	0	0	8	8	0	200	245	81,6	304
	UBND xã Tây Ninh Hòa	Hệ thống tỉnh	1.724	607	949	168	857	670	0	187	867	862	5	427	1254	34,0	855
70	UBND xã Thuận Bắc	Hệ thống các bộ	1.019	0	1.018	1	1.015	1.009	0	6	4	4	0	780	780	100,0	1.015
	UBND xã Thuận Bắc	Hệ thống tỉnh	2.811	30	2.780	1	2776	2765	0	11	35	35	0	2.492	2.516	99,0	2.776
71	UBND xã Tu Bông	Hệ thống các bộ	1.518	0	1518	0	1490	1424	66	0	28	28	0	1510	1510	100	1509
	UBND xã Tu Bông	Hệ thống tỉnh	3.677	618	3059	0	3548	3333	0	215	129	126	3	2623	2680	100	3539
72	UBND xã Vạn Hưng	Hệ thống các bộ	864		864	0	861	860	0	1	3	3	0	1846	3285	71,4	4164
	UBND xã Vạn Hưng	Hệ thống tỉnh	4.702		3813	889	4386	3687	0	699	316	316	0	1846	3285	56,2	4164

TT	Tên đơn vị		Hồ sơ tiếp nhận				Kết quả giải quyết							Số hồ sơ có thanh toán trực tuyến	Tổng số hồ sơ có yêu cầu phí, lệ phí, nghĩa vụ tài chính	Tỷ lệ thanh toán trực tuyến (%)	Hồ sơ đã được số hóa
			Tổng số	Trong đó			Hồ sơ đã giải quyết				Hồ sơ đang giải quyết						
				Kỳ trước chuyển qua	Tiếp nhận trực tuyến	Tiếp nhận trực tiếp hoặc dịch vụ bưu chính	Tổng số	Trước hạn	Đúng hạn	Quá hạn	Tổng số	Trong hạn	Quá hạn				
73	UBND xã Vạn Ninh	Hệ thống các bộ	1.602	0	1601	1	1551	309	1229	13	51	51	0	805	1283	62,7	1587
	UBND xã Vạn Ninh	Hệ thống tỉnh	5.369	1111	4195	63	5005	0	4337	668	364	355	9	3348	3832	87,4	4992
74	UBND xã Vạn Thắng	Hệ thống các bộ	1.168	0	1168	0	1120	1104	4	12	48	48	0	1120	1118	100,0	1120
	UBND xã Vạn Thắng	Hệ thống tỉnh	7.843	0	5779	2064	7511	6936	0	575	332	326	6	3581	6326	56,6	7149
75	UBND xã Vĩnh Hải	Hệ thống các bộ	988	0	988	0	971	954	7	10	17	17	0	541	544	100,0	971
	UBND xã Vĩnh Hải	Hệ thống tỉnh	1.818	135	1683	0	1768	1633	0	135	50	50	0	1553	1720	100,0	1730
76	UBND xã Xuân Hải	Hệ thống các bộ	2.862	0	2783	79	2853	2812	39	2	9	9	0	1794	2030	88,4	2855
	UBND xã Xuân Hải	Hệ thống tỉnh	3.087	131	2513	443	3024	2947	0	77	63	62	1	2113	2694	78,4	3013
Ghi chú: Chưa tính số số liệu của Thuận Nam, Trung Khánh Vĩnh																	